TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số:33 /2019/HNGĐ – ST
Ngày: 26-7-2019
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Phụng

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỷ – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2019/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về "*tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thị S, sinh năm: 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Ông Điểu S, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

HKTT: ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Nơi ở hiện nay: ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thị S trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Thị S tự nguyện sống chung với ông Điểu S và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước vào tháng 2/2017. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với cha mẹ tại ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Vợ

chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Điểu S thường xuyên uống rượu say, có lời nói xúc phạm đến nhân phẩm của bà Thị S nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay. Nay bà Thị S xin ly hôn với ông Điểu S.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Điểu K, sinh ngày 17/3/2017 hiện đang sống chung với bà Thị S. Khi ly hôn, bà Thị S xin được quyền nuôi con, không yêu cầu ông Điểu S cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra hiện nay bà Thị S không mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

- Về tài sản chung: Trước khi kết hôn bà Thị S và ông Điểu S không bên nào có tài sản riêng. Tài sản chung hiện nay cũng không có.

- Về nợ: Bà Thị S và ông Điểu S không nợ ai cũng không ai nợ lại.

Bị đơn ông Điểu S vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc. Căn cứ biên bản xác minh ngày 11/4/2019 của Tòa án xác minh tại công an xã L xác định: Ông Điểu S có đăng ký hộ khẩu tại ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, tuy nhiên ông Điểu S không còn sinh sống tại địa phương mà đã chuyển đến sống tại xã Lộc Thuận. Ngày 15/4/2019, Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã L thì được biết ông Điểu S hiện đang sinh sống và có mặt tại ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho ông Điểu S theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp chứng cứ và không có mặt theo các thông báo, quyết định của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị S.

+ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Thị S và ông Điểu S

+ Về con chung: Giao con tên Điểu K, sinh ngày 17/3/2017 cho bà Thị S nuôi dưỡng

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị S không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Điểu S. Xét ông Điểu S có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã L và hiện đang sinh sống tại ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn bà Thị S vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Điểu S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị S và ông Điểu S tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân xã L nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Điểu S và bà Thị S là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Thị S, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời khai của bà Thị S trong quá trình giải quyết vụ án thì giữa bà Thị S và ông Điểu S phát sinh mâu thuẫn từ tháng 3/2017. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông Điểu S thường xuyên uống rượu say, có lời nói xúc phạm đến nhân phẩm của bà Thị S nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay. Nay bà Thị S yêu cầu được ly hôn với ông Điểu S. Đối với ông Điểu S, tại phiên Tòa ông Điểu S vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông Điểu S không đến Tòa án làm việc cũng như không tham gia phiên hòa giải để đưa ra ý kiến và biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 15/4/2019 của Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông Điểu S và bà Thị S sinh sống thì vợ chồng ông Điểu S, bà Thị S thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau và hiện không thấy bà Thị S sống cùng ông Điểu S. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Thị S và ông Điểu S đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thị S.

[4] Về con chung: Bà Thị S và ông Điểu S có 01 con chung tên Điểu K, sinh ngày 17/3/2017. Khi ly hôn, bà Thị S xin được nuôi con không yêu cầu ông Điểu S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Điểu K hiện dưới 36 tháng tuổi và sống chung với bà Thị S từ khi bà Thị S và ông Điểu S ly thân cho đến nay, nên giao cháu Điểu K cho bà Thị S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị S không yêu cầu ông Điểu S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thị S khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Thị S phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Thị S và ông Điểu S

2. Về con chung: Giao con chung tên Điểu K, sinh ngày 17/3/2017 cho bà Thị S nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị S không yêu cầu ông Điểu S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thị S khai không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Thị S chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0000090 ngày 27/3/2019.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng có bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Thuận;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Khánh Duyên